

CHƯƠNG 12

अप्सरभूतको धर्मं चरसीत्पथं चोदितः ।

आनन्देन तदा नन्दः परं व्रीडमुपागमत् ॥ १ ॥

Thế rồi, sau khi nghe đại đức Ananda nói rằng: 'Đệ thực hành giáo pháp vì phần thường là các nàng apsara,' Nanda đã trở nên vô cùng xấu hổ. (1)

तस्य व्रीडेन महता प्रमोदो हृदि नाभवत् ।

अप्रमोद्येन विमुखा नावतस्ये ब्रूते मनः ॥ २ ॥

Bởi vì vô cùng xấu hổ nên Nanda không còn sự phẫn chấn ở trong trái tim nữa. Do không còn sự phẫn chấn nên tâm trí chàng trở nên chán nản và không còn trụ vững trong lời ước nguyện. (2)

कामरागप्रधानोऽपि परिहाससमोऽपि सन् ।

परिपाकाले हेतौ न स तन्ममूषे वचः ॥ ३ ॥

Mặc dầu có tánh thiên về duyên ái dục tình, mặc dầu không quan tâm đến lời chế giễu, nhưng Nanda vẫn không thể chịu đựng được lời nói ấy khi mà nhân duyên của chàng đã được chín muồi. (3)

अपरीक्षकभावान्च पूर्व मत्या दिवं ध्रुवं ।

तस्मात्क्षेष्णुं परिश्रुत्य भृशं सविगमेयिवान् ॥ ४ ॥

Phát xuất từ bản tánh nóng nổi, Nanda trước đây nghĩ rằng thiên đường là vĩnh cửu; do đó, sau khi biết rõ rằng chốn ấy cũng chỉ là tạm thời, Nanda đã trở nên vô cùng bất loạn. (4)

तस्य स्वर्गान्निवृत्ते संकल्पाश्चो मनोरथः ।

महारथ इवोन्मार्गादप्रमत्तस्य सारथेः ॥ ५ ॥

Tâm tư của Nanda, được ví như cỗ xe còn ngựa kéo là lòng ao ước, giờ không theo đuổi mục đích thiên đường nữa; tương tự như là một cỗ xe ngựa lòn được người đánh xe tinh ý điều khiển rời khỏi con đường xấu. (4)

स्वर्गतर्षान्निवृत्तश्च सद्यः स्वस्थ इवाभवत् ।

मृष्टदपथ्याद्विरतो जिजीविषुरिवातुरः ॥ ६ ॥

Và khi đã không còn lòng khao khát về cõi thiên đường nữa, Nanda dường như bình tâm trở lại; tương tự như một người bệnh, mong mỏi được sống, nên đã từ chối những món ăn khoái khẩu nhưng không thích hợp với bệnh tình. (6)

विसस्मर प्रियां भार्यामप्सररोदर्शनाद्यथा ।

तथानित्यतयोद्दिग्धस्तत्पाजाप्सरसोऽपि सः ॥ ७ ॥

Khi gặp được các nàng apsara, Nanda đã quên đi người vợ yêu dấu như thế nào; giờ cũng như thế ấy, chàng cũng đã dứt bỏ các nàng tiên nữ chỉ vì ghê sợ bản chất vô thường. (7)

महतामपि भूतानामावृत्तिरिति चिन्तयन् ।

सविगाच्च सरागोऽपि वीतराग इवाभवत् ॥ ८ ॥

Nghĩ rằng: "Thậm chí các bậc đại nhân cũng còn luôn hoài trở lại thế gian này ! " nên Nanda, tuy vẫn còn lòng tham ái và tâm đang bị bán loạn, nhưng lại tỏ vẻ như là lòng ái luyến đã tiêu tan. (8)

बभूव स हि सविगः श्रेयसस्तस्य ब्रूये ।

घातुरेधिरिवाख्याते पठितेऽक्षरचिन्तकैः ॥ ९ ॥

Chính sự bán loạn ấy đã làm cho chàng tăng thêm việc quan tâm đến sự Toàn-thiện; tưởng tợ như từ gốc "edh" được tăng thêm để trở thành "edhih", do công nghiên cứu của các nhà văn phạm. (9)

न तु कामान्मनस्तस्य केनचिज्जगृहे धृतिः ।

त्रिषु कालेषु सर्वेषु निपातोऽस्तिरिव स्मृतः ॥ १० ॥

Nhưng vì lòng ái dục, nên sự định tĩnh không trụ được trong tâm của Nanda một lúc nào cả; giống như trường hợp ngoại lệ của động từ "astī" được sử dụng trong tất cả ba thời quá khứ, hiện tại, và vị lai. (10)

खेलगामी महाबाहुर्जिन्द्र इव निर्मदः ।

सोऽभ्यगच्छद्गृहं काले विबुधुर्भाविमात्मनः ॥ ११ ॥

Tình giấc mê tỉnh, Nanda mong mỏi được bày tỏ nội tâm của mình đến Bậc Đạo-sư nên đã đi đến gặp Ngài vào một lúc hợp thời; trông giống như một con voi chúa, qua cơn động dục, đã vươn cái vòi dài đi lại đó đây với bộ tịch đung đưa qua lại. (11)

प्रणम्य च गुरौ मूर्ध्ना बाष्पव्याकुललोचनः ।

कृत्वाञ्जलिमुवाचेद् द्विधा किञ्चिदवाङ्मुखः ॥ १२ ॥

Và sau khi lễ đầu đánh lễ Bộc Đạo-sư, Nanda với đôi mắt vẫn còn ngấn lệ và khuôn mặt hơi cúi xuống vì hổ thẹn, đã chắp hai tay lại rồi nói như vầy: (12)

अप्सरःप्राप्तये यन्मे भगवन्प्रतिभूरसि ।

नाप्सरोभिर्ममार्थोऽस्ति प्रतिभूत्वं त्यजाम्यहं ॥ १३ ॥

- "Bộc Đức Thế-tôn, vì Ngài là người đã bảo đảm cho con trong việc sở hữu các nàng apsara; giờ đây, các nàng apsara không còn là mục tiêu của con nữa, cho nên con xin hủy bỏ lời cam kết ấy." (13)

श्रुत्वा ह्यवर्तकं स्वर्गं संसारस्य च चित्रतां ।

न मर्त्येषु न देवेषु प्रवृत्तिर्मम रोचते ॥ १४ ॥

"Bởi vì con đã được nghe rằng cõi thiên đường cũng không vĩnh cửu, đồng thời vẫn còn sự thăng trầm trôi nổi ở trong vòng luân hồi; cho nên mục tiêu của con giờ đây không còn ưu tiên cho cõi thiên đường hoặc cho cuộc sống vĩnh cửu nữa." (14)

यदि प्राप्य दिवं यत्नान्नियमेन दमेन च ।

अवितृप्ताः पतन्त्यन्ते स्वर्गाय त्याग्निने नमः ॥ १५ ॥

"Nếu được sanh về cõi thiên đường nhờ vào sự nỗ lực, sự trì giới, và sự rèn luyện, nhưng rồi cũng không được như ý, cuối cùng cũng bị đọa xuống trần gian thì con xin chối từ cõi cõi thiên đường ấy." (15)

अतश्च निखिलं लोकं विदित्वा सचराचरं ।

सर्वदुःखक्षयकरे त्वद्धर्मे परमे रमे ॥ १६ ॥

“Chính vì thế, sau khi đã nhận thức được rằng toàn bộ thế gian này luôn chuyển dịch, cho nên con chỉ thỏa thích trong Giáo-pháp cao thượng của Ngài, là sự đoạn tận tất cả mọi khổ đau.” (16)

तस्माद्याससमासाभ्यां तन्मे व्याख्यातुमर्हसि ।

यच्छ्रुत्वा शृण्वतां श्रेष्ठ परमं प्राप्तुयां पदं ॥ १७ ॥

“Bởi thế, hỡi Ngài là bậc tối thắng trong các vị khéo lắng nghe, cầu mong Ngài hãy giảng giải Giáo-pháp cho con một cách đầy đủ và chính xác. Sau khi nghe xong, hy vọng rằng con có thể thành tựu được mục đích tối thượng ấy.” (17)

ततस्तस्याशयं ज्ञात्वा विपक्षणीन्द्रियाणि च ।

श्रेयश्चैवामुखीभूतं निजगाद तथागतः ॥ १८ ॥

Sau đó, khi biết được bản chất của Nanda vẫn còn quyến luyến với sắc đẹp và các giác quan vẫn còn bị phân tán, cho nên Đấng Thiện Thế mới thuyết giảng như vậy: (18)

अहो प्रत्यवमशोऽयं श्रेयसस्ते पुरोजवः ।

अरण्यां मध्यमानायामग्नेर्धूम इवोत्थितः ॥ १९ ॥

“Tối kìa! Sự nhận thức như vậy là tiền đề rất tốt đẹp cho đệ rồi đó; cũng giống như làn khói sanh lên từ việc cọ sát các khúc gỗ với nhau báo hiệu việc sẽ có được ngọn lửa.” (19)

चिरमुन्मार्गविहृतो लोलैरिन्द्रियवाजिभिः ।

अवतीर्णोऽसि पन्थानं दिष्ट्या दृष्ट्याविमूढया ॥ २० ॥

“Lâu nay đệ bị cuốn lòi vào một đạo lộ không được thiện mỹ lắm bởi vì các giác quan bị giao động, tương tự như những con ngựa chiến phi nhanh. Giờ đệ đã bước vào đạo lộ và đã có được quan điểm chính chắn làm kim chỉ nam.” (20)

अथ ते सफलं जन्म लाभोऽथ सुमहांस्तव ।

यस्य कामरसज्ञस्य नैष्कम्यायोत्सुकं मनः ॥ २१ ॥

“Nay thiện quả của đệ đã trở sanh. Giờ đây quả thành tựu cho đệ thật là to lớn. Tuy đã từng nếm trải hương vị của dục tình, nhưng tâm của đệ nay đã hướng về sự từ bỏ các niềm khoái lạc của thế gian rồi.” (21)

लोकेऽस्मिन्नालयारामे निवृत्तौ दुर्लभा रतिः ।

व्यथन्ते ह्यपुनर्भावात्प्रपातादिव बालिशाः ॥ २२ ॥

“Tìm cầu khoái lạc là mục tiêu ở trong thế gian này, nên việc đoạn tuyệt với khoái lạc khó mà thực hiện; bởi vì, những kẻ thiếu trí tránh né việc không còn tái sanh nữa như là tránh né một vực núi sâu vậy.” (22)

दुःखं न स्यात्सुखं मे स्यादिति प्रयतते जनः ।

अत्यन्तदुःखोपरमं सुखं तच्च न बुध्यते ॥ २३ ॥

“Ai ai cũng mong mãi rằng: ‘Tôi không khổ sở, tôi được hạnh phúc!’ mà không biết rằng sự hạnh phúc ấy chẳng qua chỉ là sự tạm ngưng trong chốc lát của một trạng thái đau khổ vô cùng tận.” (23)

अरिभूतेष्वनित्येषु सततं दुःखहेतुषु ।

कामादिषु जगत्सक्तं न वेत्ति सुखमव्ययं ॥ २४ ॥

“Thế gian này không biết đến sự hạnh phúc trường cửu, vì luôn bị gắn liền với những nguyên nhân sanh khổ như là ái dục, v.v... là những thứ chỉ có tính cách tạm thời và là những kẻ thù thật sự.” (24)

सर्वदुःखापहं तत्तु हस्तस्थममृतं तव ।

विषं पीत्वा यदगदं समये पातुमिच्छसि ॥ २५ ॥

“Tuy nhiên, đệ đã có trong tay liều thuốc bất tử có thể trị lành được mọi thứ khổ đau. Vì đệ đã uống vào thuốc độc, cho nên bây giờ là lúc đệ cần phải mong mỏi để được uống thử thuốc giải ấy.” (25)

अनर्हसंसारभयं मानार्हं ते चिकीर्षितं ।

रागाग्निस्तादृशो यस्य धर्मोन्मुखः पराङ्मुखः ॥ २६ ॥

“Này kẻ đã hướng về Giáo-pháp, thật đáng khen ngợi về việc đệ không còn quan tâm đến ngọn lửa ái tình như thế ấy, và sự ước muốn của đệ trong việc chấm dứt nỗi sợ hãi đối với sự luân hồi không hợp lý kia.” (26)

रागोदामेन मनसा सर्वथा दुष्करा धृतिः ।

सदोषं सलिलं दृष्ट्वा पथिनेव पिपासुना ॥ २७ ॥

“Việc kiềm chế một cách toàn diện rất khó tiến hành khi tâm tánh đã quen buông thả trong ái tình; cũng giống như một người đi đường, bị cơn khát nước, khó mà kiềm chế bản thân khi thấy được giếng nước, cho dầu nước bị dơ bẩn” (27)

ईदृशी नाम बुद्धिस्ते निरुद्धा रजसाभवत् ।

रजसा चण्डवातेन विवस्वत इव प्रभा ॥ २८ ॥

"Trong trường hợp như thế, sự tỉnh ngộ của đệ bị cản trở bởi sự ô nhiễm của tâm, tương tự như ánh nắng mặt trời bị ngăn cản bởi cát bụi của một cơn gió bão dữ dội." (28)

सा निर्वासुस्तमो हार्दं या संप्रति विजृम्भते ।

तमो नैशं प्रभा सौरी विनिर्गर्णिव मेरुणा ॥ २९ ॥

"Sự tỉnh ngộ ấy lúc này đang phát triển và sẽ tiêu diệt mọi sự tăm tối trong trái tim; tương tự như là ánh sáng mặt trời từ núi Meru* được lan tỏa rộng ra và xua đuổi đi đêm đen tăm tối." (29)

युक्तरूपमिदं चैव शुद्धसत्त्वस्य चेतसः ।

यत्ते स्यान्नैष्ठिके सुखमे श्रेयसि श्रद्धानता ॥ ३० ॥

"Và chính cái bản thể của đức tin vào sự hoàn hảo tối thượng, sự tỉnh thức, và tuyệt mỹ * ấy của đệ lại là điều phù hợp với tâm ý của một chúng sanh có được sự thanh tịnh." (30)

धर्मच्छन्दमिमं तस्माद्विबर्धयितुमर्हसि ।

सर्वधर्मा हि धर्मज्ञ नियमाच्छन्दोदेतवः ॥ ३१ ॥

"Vì thế, đệ hãy nên phát triển lòng mong mỏi về thiện pháp (Pháp dục) ấy. Bởi vì, này kẻ đã giác ngộ Giáo pháp kia, nói một cách cụ thể hơn, toàn bộ các pháp đều bắt nguồn từ lòng ước muốn." (31)

सत्यां गमनबुद्धौ हि गमनाय प्रवर्तते ।

शय्याबुद्धौ च शयनं स्थानबुद्धौ तथा स्थितिः ॥ ३२ ॥

"Bởi vì đúng theo chân lý, khi một người có ý muốn bước đi, vị ấy liền tiến hành việc đi chuyển; và nằm xuống khi có ý muốn nằm; cũng như thế ấy, vị ấy đứng khi có ý muốn đứng." (32)

अन्तर्भूमिगतं ह्यम्भः अदधाति नरो यदा ।

अर्थित्वे सति यत्नेन तदा खनति गामिमां ॥ ३३ ॥

"Bởi vì, khi một người tin tưởng rằng sẽ có được nguồn nước ở phía bên dưới của một khu đất nào, thì vào lúc có sự yêu cầu về nước, người đó sẽ nỗ lực đào ngay ở chỗ đất ấy." (33)

नार्थी यद्यग्निना वा स्याच्छूद्ध्यत्तं न वारणौ ।

मग्नीयान्नारणि कश्चित्तद्भावे सति मध्यते ॥ ३४ ॥

"Nếu không cần đến lửa, hoặc không tin tưởng vào sự tiềm tàng của ngọn lửa trong một khúc gỗ, thì không ai sẽ cọ sát khúc gỗ ấy. Nhưng trong trường hợp có được niềm tin, thì họ sẽ cọ sát khúc gỗ ấy vậy." (34)

सस्योत्पत्तिं यदि न वा अदध्यात्कार्षकः क्षितौ ।

अर्थी सस्येन वा न स्याद्धीजानि न वपेद्भुवि ॥ ३५ ॥

"Nếu một người nông dân không tin tưởng vào sự phát triển của lúa gạo trên mặt đất, hoặc là một người không cần đến lúa gạo, thì họ sẽ không gieo hạt lúa giống ở trên đất liền." (35)

अतश्च हस्त इत्युक्ता मया श्रद्धा विशेषतः ।

यस्माद्गृह्णाति सद्वर्म दायं हस्त इवाक्षतः ॥ ३६ ॥

"Cho nên, một người hiểu được Giáo-pháp tuyệt vời cũng tương tự như là một người có được bàn tay lành mạnh để nắm giữ món quà. Do đó, Ta đặc biệt tuyên bố rằng chính Đức Tin là bàn tay (để nắm giữ và duy trì sự tu tập)." (36)

प्राधान्यादिन्द्रियमिति स्थिरत्वाद्बलमित्यतः ।

गुणदारिद्र्यशमनाद्धनमित्यभिवर्णिता ॥ ३७ ॥

"Cho nên, điều cần được trình bày là: 'Sự ghi nhận của giác quan được sanh lên khi nào cảnh nổi bật, sức mạnh được phát xuất từ sự kiên định, và tài sản được thành tựu nhờ vào sự trừ diệt các tánh hạnh xấu.'" (37)

रक्षणार्थेन धर्मस्य तथेयीकेत्युदाहृता ।

लोकेऽस्मिन्दुर्लभत्वाच्च रत्नमित्यभिभाषिता ॥ ३८ ॥

"Ở trong thế gian này, chính vì mục đích bảo vệ công lý mà cung tên được sử dụng đến, và do sự khó khăn trong việc thu hoạch mà châu báu được đặt tên như thế ấy." (38)

पुनश्च बीजमित्युक्ता निमित्तं श्रेयसोत्पदा ।

पावनार्थेन पापस्य नदीत्यभिहिता पुनः ॥ ३९ ॥

"Và thêm nữa, đức tin còn được gọi là 'chủng tử,' vì đó là nguồn gốc phát sanh lên các đặc tính của sự hoàn mỹ; hay còn được gọi là 'giòng sông' do việc tẩy sạch được mọi điều ô uế." (39)

यस्माद्धर्मस्य चोत्पत्तौ श्रद्धा कारणमुत्तमं ।

मयोक्ता कार्यतस्तस्मात्तत्र तत्र तथा तथा ॥ ४० ॥

"Bởi vì đức tin là nguyên nhân chính yếu trong việc phát sanh lên các thiện pháp; cho nên, tùy theo tính chất của sự liên đới mà ta đặt tên khác nhau cho mỗi một trường hợp." (40)

श्रद्धाङ्कुरमिमं तस्मात्संवर्धयितुमर्हसि ।

तद्बृद्धौ वर्धते धर्मो मूलवृद्धौ यथा दुमः ॥ ४१ ॥

"Do đó, đệ hãy nuôi dưỡng cái chồi non ấy tức là đức tin của đệ, bởi vì thiện pháp sẽ tăng trưởng trong sự lớn mạnh của đức tin ấy; tương tự như cây cối được lớn mạnh là nhờ sự phát triển của bộ rễ." (41)

व्याकुलं दर्शनं यस्य दुर्बलं यस्य निश्चयः ।

यस्य पारिप्लवा श्रद्धा न हि कृत्याय वर्तते ॥ ४२ ॥

"Đối với một người có sự nhận thức còn chưa được chính chắn, có sự quyết định hay còn yếu ớt, đồng thời niềm tin của người ấy còn chưa được vững chắc, thì người ấy chắc chắn khó mà đạt được mục đích đang theo đuổi." (42)

यावत्तत्त्वं न भवति हि दृष्टं श्रुतं वा

तावच्छ्रद्धा न भवति बलस्था स्थिरा वा ।

दृष्टे तत्त्वे नियमपरिभूतेन्द्रियस्य

श्रद्धावृक्षो भवति सफलश्चाश्रयश्च ॥ ४३ ॥

"Bởi vì, chúng nào chán lý chưa được nghe hay chưa được nhận thức, thì chúng ấy đức tin còn chưa được mạnh mẽ và bền vững. Đối với người có sự tu tập và các giác quan đã được chế ngự, khi chán lý đã được nhận thức rồi, thì cội cây của đức tin sẽ trở sanh quả lành và sẽ trở thành điểm tựa để nương nhờ trong ngày vị lai. " (43)

सौन्दरनन्दे महाकाव्ये प्रत्यवमर्शो नाम द्वादशः सर्गः ।

Chương thứ mười hai "Sự quán triệt từ nội tâm"
của bộ trường thi "Saundarananda"